

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

**Báo cáo tài chính  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011  
đã được soát xét**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

**Trang**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-25

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

#### Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng	Ủy viên	
Ông Đào Đức Toàn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Anh Hùng	Ủy viên	
Ông Đỗ Văn Hợi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011

#### Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2011
Ông Đào Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Ông Nguyễn Tuấn Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09/02/2011
Bà Lê Thị Xuân	Phó Tổng Giám đốc	

#### Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đào Thị Kim Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Trần Nam Bắc	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



**Đào Đức Toàn**  
Phó Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2011



Số: 1072 /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011  
của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được lập ngày 22 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



**Ngô Đức Đoàn**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

**Trần Quang Mâu**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0668/KTV

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>330,956,692,418</b>	<b>323,324,304,852</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1,664,051,521</b>	<b>10,919,714,622</b>
111	1. Tiền		1,664,051,521	10,919,714,622
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>889,310,000</b>	<b>1,748,460,000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		2,060,590,000	2,060,590,000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1,171,280,000)	(312,130,000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>264,406,787,192</b>	<b>203,999,143,934</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		138,878,395,661	126,430,733,909
132	2. Trả trước cho người bán		37,079,633,838	15,700,959,370
135	5. Các khoản phải thu khác	5	88,615,888,831	62,034,581,793
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(167,131,138)	(167,131,138)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>62,702,119,859</b>	<b>102,368,138,085</b>
141	1. Hàng tồn kho		62,702,119,859	102,368,138,085
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,294,423,846</b>	<b>4,288,848,211</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		232,344,913	176,270,205
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3,064,402,942
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	1,062,078,933	1,048,175,064
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>128,448,691,708</b>	<b>129,603,908,016</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>20,644,422,999</b>	<b>21,480,215,726</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	6,729,162,660	6,990,190,478
222	- Nguyên giá		16,205,174,004	15,935,716,840
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9,476,011,344)	(8,945,526,362)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9,168,563,636	9,168,563,636
228	- Nguyên giá		9,179,063,636	9,179,063,636
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10,500,000)	(10,500,000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	4,746,696,703	5,321,461,612
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		107,000,000,000	107,000,000,000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>804,268,709</b>	<b>1,123,692,290</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	804,268,709	1,123,692,290
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>459,405,384,126</b>	<b>452,928,212,868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>147,740,219,980</b>	<b>138,576,213,346</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>147,655,328,651</b>	<b>138,487,922,017</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	94,117,005,883	115,240,923,891
312	2. Phải trả người bán		46,049,265,217	13,916,671,260
313	3. Người mua trả tiền trước		254,128,336	539,502,458
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2,545,811,409	2,809,792,513
315	5. Phải trả người lao động		232,121,956	974,795,261
316	6. Chi phí phải trả		80,433,227	549,186,556
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		92,049,409	18,686,864
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,284,513,214	4,438,363,214
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>84,891,329</b>	<b>88,291,329</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		69,270,306	72,670,306
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		15,621,023	15,621,023
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>311,665,164,146</b>	<b>314,351,999,522</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15</b>	<b>311,665,164,146</b>	<b>314,351,999,522</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		199,999,930,000	199,999,930,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		78,067,482,550	78,067,482,550
414	4. Cổ phiếu quỹ		(20,959,833,000)	(12,110,636,000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	1,660,766,338
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		13,636,988,069	13,636,988,069
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10,543,171,326	10,543,171,326
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30,377,425,201	22,554,297,239
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>459,405,384,126</b>	<b>452,928,212,868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		10,271.62	17,681.92

**Trương Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng



**Đào Đức Toàn**  
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	560,786,245,655	552,436,319,030
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		560,786,245,655	552,436,319,030
11	4. Giá vốn hàng bán	17	542,189,342,389	536,969,573,005
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18,596,903,266	15,466,746,025
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	25,883,954,773	543,490,917
22	7. Chi phí tài chính	19	12,410,245,369	7,572,610,835
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		10,760,790,907	6,112,876,076
24	8. Chi phí bán hàng	20	1,374,989,760	454,478,032
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	3,447,193,346	3,098,712,149
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		27,248,429,564	4,884,435,926
31	11. Thu nhập khác		979,886,851	189,254,479
32	12. Chi phí khác		607,934,488	561,688,534
40	13. Lợi nhuận khác		371,952,363	(372,434,055)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27,620,381,927	4,512,001,871
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	803,980,965	1,128,000,468
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26,816,400,962	3,384,001,403


**Trương Thị Thu Hiền**  
 Kế toán trưởng

**Đào Đức Toàn**  
 Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>27,620,381,927</b>	<b>4,512,001,871</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	Khấu hao tài sản cố định		660,897,002	552,350,698
03	Các khoản dự phòng		859,150,000	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25,883,954,773)	8,874,832
06	Chi phí lãi vay		10,760,790,907	6,112,876,076
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>14,017,265,063</b>	<b>11,186,103,477</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(27,357,144,185)	80,547,117,735
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		39,666,018,226	(72,854,720,869)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		26,306,517,195	21,099,207,889
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		263,348,873	275,606,988
13	Tiền lãi vay đã trả		(11,283,577,463)	(6,763,655,446)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1,236,450,000)	(500,118,997)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9,200,000	9,800,000
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(166,450,000)	(1,590,707,075)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>40,218,727,709</b>	<b>31,408,633,702</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		90,909,091	190,000,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2,500,000,000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,901,088,107	85,742,799
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(508,002,802)</b>	<b>275,742,799</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(8,849,197,000)	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		100,328,374,396	176,702,445,167
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(121,452,292,404)	(174,776,104,495)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18,993,273,000)	(10,998,800,000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(48,966,388,008)</b>	<b>(9,072,459,328)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9,255,663,101)	22,611,917,173
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10,919,714,622	1,823,722,281
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>1,664,051,521</u>	<u>24,435,639,454</u>

**Trương Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng



**Đào Đức Toàn**  
Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101008460 (số cũ: 0103000045) do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03 tháng 05 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 14 tháng 07 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 199.999.930.000 VND (Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng). Tương đương 19.999.993 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### **Công ty có các công ty con sau:**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thôn Bắc Hà, Xã Bắc Sơn, Huyện An Dương, TP Hải Phòng

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là vật tư, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và ngành nước);
- Sửa chữa, lắp đặt và bảo hành các sản phẩm công ty kinh doanh;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí phục vụ ngành xây dựng;
- Sản xuất tấm lợp kim loại, sản xuất cấu kiện thép hình, khung nhà tiền chế;
- Mua bán nguyên liệu nhựa và sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ xây dựng, sản xuất và tiêu dùng;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Dịch vụ vận chuyển, giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường), chợ và siêu thị;
- Kinh doanh bất động sản (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Mua bán ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ sửa chữa ô tô và vận tải hành khách;
- Sản xuất, buôn bán đồ gỗ nội thất;
- Cho thuê văn phòng.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06	năm
- Thiết bị văn phòng	02	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh

**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	55,925,000	185,210,577
Tiền gửi ngân hàng	1,608,126,521	10,734,504,045
	<b><u>1,664,051,521</u></b>	<b><u>10,919,714,622</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2,060,590,000	2,060,590,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1,171,280,000)	(312,130,000)
	<b><u>889,310,000</u></b>	<b><u>1,748,460,000</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận được chia từ công ty con	84,200,362,826	59,200,362,826
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	1,017,133,334
Phải thu về tiền gốc cho vay	2,500,000,000	-
Phải thu khác	1,915,526,005	1,817,085,633
	<b><u>88,615,888,831</u></b>	<b><u>62,034,581,793</u></b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40,654,736,722	77,225,051,440
Thành phẩm	-	61,491,504
Hàng hoá	22,047,383,137	25,081,595,141
	<b><u>62,702,119,859</u></b>	<b><u>102,368,138,085</u></b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1,052,078,933	1,038,175,064
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	10,000,000	10,000,000
	<b><u>1,062,078,933</u></b>	<b><u>1,048,175,064</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>2,347,130,242</b>	<b>5,781,521,698</b>	<b>7,681,185,793</b>	<b>125,879,107</b>	-	<b>15,935,716,840</b>
<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>530,880,909</b>	-	-	-	-	<b>530,880,909</b>
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	530,880,909	-	-	-	-	530,880,909
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	<b>(57,061,364)</b>	<b>(191,610,000)</b>	<b>(12,752,381)</b>	-	<b>(261,423,745)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57,061,364)	(191,610,000)	(12,752,381)	-	(261,423,745)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2,878,011,151</b>	<b>5,724,460,334</b>	<b>7,489,575,793</b>	<b>113,126,726</b>	-	<b>16,205,174,004</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1,035,301,092</b>	<b>5,333,006,594</b>	<b>2,476,309,138</b>	<b>100,909,538</b>	-	<b>8,945,526,362</b>
<b>Số tăng trong kỳ</b>	<b>58,469,688</b>	<b>94,903,228</b>	<b>504,590,221</b>	<b>2,933,865</b>	-	<b>660,897,002</b>
- Trích khấu hao	58,469,688	94,903,228	504,590,221	2,933,865	-	660,897,002
<b>Số giảm trong kỳ</b>	-	<b>(50,592,538)</b>	<b>(69,192,500)</b>	<b>(10,626,982)</b>	-	<b>(130,412,020)</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50,592,538)	(69,192,500)	(10,626,982)	-	(130,412,020)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,093,770,780</b>	<b>5,377,317,284</b>	<b>2,911,706,859</b>	<b>93,216,421</b>	-	<b>9,476,011,344</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Đầu kỳ</b>	<b>1,311,829,150</b>	<b>448,515,104</b>	<b>5,204,876,655</b>	<b>24,969,569</b>	-	<b>6,990,190,478</b>
<b>Cuối kỳ</b>	<b>1,784,240,371</b>	<b>347,143,050</b>	<b>4,577,868,934</b>	<b>19,910,305</b>	-	<b>6,729,162,660</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	9,168,563,636	10,500,000	9,179,063,636
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>9,168,563,636</u>	<u>10,500,000</u>	<u>9,179,063,636</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	-	10,500,000	10,500,000
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>-</u>	<u>10,500,000</u>	<u>10,500,000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Đầu kỳ	<u>9,168,563,636</u>	-	<u>9,168,563,636</u>
Cuối kỳ	<u>9,168,563,636</u>	-	<u>9,168,563,636</u>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>4,746,696,703</b>	<b>4,746,696,703</b>
- Công trình Đèn Lù	4,526,696,703	4,526,696,703
- Xây dựng xưởng Hải Phòng	20,000,000	20,000,000
- Công trình Lai Cách - Hải Dương	200,000,000	200,000,000
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	-	<b>574,764,909</b>
- Sửa chữa nhà 309 Tam Trinh	-	574,764,909
	<u><b>4,746,696,703</b></u>	<u><b>5,321,461,612</b></u>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>107,000,000,000</b>	<b>107,000,000,000</b>
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	80,000,000,000	80,000,000,000
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	27,000,000,000	27,000,000,000
	<u><b>107,000,000,000</b></u>	<u><b>107,000,000,000</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2011 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ cam kết	Tỷ lệ thực góp	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100.00%	100.00%	Sản xuất và thương mại
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72.00%	72.00%	Sản xuất và thương mại

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	707,891,070	1,037,158,945
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	-	33,507,636
Chi phí trả trước dài hạn khác	96,377,639	53,025,709
	<b>804,268,709</b>	<b>1,123,692,290</b>

**13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>94,117,005,883</b>	<b>115,240,923,891</b>
- Vay ngân hàng	92,632,347,811	114,131,554,693
- Vay tổ chức khác	765,341,462	-
- Vay cá nhân	719,316,610	1,109,369,198
	<b>94,117,005,883</b>	<b>115,240,923,891</b>
<b>Chi tiết vay ngắn hạn</b>		
	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	-	28,307,113,700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai <sup>(1)</sup>	92,632,347,811	85,824,440,993
Vay Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	765,341,462	-
Vay công đoàn Công ty	-	1,182,980
Vay cá nhân	719,316,610	1,108,186,218
	<b>94,117,005,883</b>	<b>115,240,923,891</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

(2) Hợp đồng tín dụng số HM-10/PT-HM ngày 19/08/2010, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 150 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay vốn ngắn hạn và bảo lãnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010;
- + Thời hạn duy trì hạn mức đến 31/07/2011; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 6 tháng;
  
- + Lãi suất cho vay đối với VND áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,0%/ năm. Lãi suất áp dụng cho kỳ thu lãi đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 1 tháng/1 lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 30/06/2011 là 21%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo. Áp dụng biện pháp bổ sung, tài sản thế chấp là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ số 3 dãy A Mai Động, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến với giá trị tài sản bảo đảm hiện tại là 7.069.700.000 VND.

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	786,568,127	3,339,838
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1,743,658,469	2,176,127,504
Thuế Thu nhập cá nhân	15,584,813	630,325,171
	<u><u>2,545,811,409</u></u>	<u><u>2,809,792,513</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(12,110,636,000)</b>	<b>1,660,766,338</b>	<b>13,636,988,069</b>	<b>10,543,171,326</b>	<b>22,554,297,239</b>	<b>314,351,999,522</b>
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	26,816,400,962	26,816,400,962
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(18,993,273,000)	(18,993,273,000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(8,849,197,000)	-	-	-	-	(8,849,197,000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1,660,766,338)	-	-	-	(1,660,766,338)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>78,067,482,550</b>	<b>(20,959,833,000)</b>	<b>-</b>	<b>13,636,988,069</b>	<b>10,543,171,326</b>	<b>30,377,425,201</b>	<b>311,665,164,146</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của các cổ đông	199,999,930,000	100.00%	199,999,930,000	100.00%
	<b>199,999,930,000</b>	<b>100.00%</b>	<b>199,999,930,000</b>	<b>100.00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIÊN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	199,999,930,000	110,000,000,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>110,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>199,999,930,000</i>	<i>110,000,000,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,993,273,000	11,000,000,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>18,993,273,000</i>	<i>11,000,000,000</i>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/03/2011, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2010 bằng 20% vốn điều lệ, trong đó đã tạm ứng 10% trong năm 2010, phần còn lại chi trả trong năm 2011 là 18.993.273.000 đồng.

**d) Cổ phiếu**

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,999,993	11,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,999,993	11,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19,999,993</i>	<i>11,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1,796,060	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1,796,060</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,203,933	11,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18,203,933</i>	<i>11,000,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13,636,988,069	13,636,988,069
Quỹ dự phòng tài chính	10,543,171,326	10,543,171,326
	<b>24,180,159,395</b>	<b>24,180,159,395</b>

**16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1,037,355,985	31,765,674,180
Doanh thu bán hàng hóa	559,370,479,639	520,397,434,958
Doanh thu cung cấp dịch vụ	378,410,031	273,209,892
	<b>560,786,245,655</b>	<b>552,436,319,030</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIẾN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1,353,358,663	31,899,038,489
Giá vốn của hàng hóa đã bán	540,789,451,726	505,063,909,152
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	46,532,000	6,625,364
	<b>542,189,342,389</b>	<b>536,969,573,005</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	96,131,386	85,742,799
Lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm	754,008,387	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25,033,815,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	457,748,118
	<b>25,883,954,773</b>	<b>543,490,917</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	10,760,790,907	6,112,876,076
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	629,356,933	1,417,788,248
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	859,150,000	-
Chi phí tài chính khác	160,947,529	41,946,511
	<b>12,410,245,369</b>	<b>7,572,610,835</b>

**20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1,064,500	4,130,800
Chi phí nhân công	607,431,921	245,330,844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	755,859,024	157,605,349
Chi phí khác bằng tiền	10,634,315	47,411,039
	<b>1,374,989,760</b>	<b>454,478,032</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thụ,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	107,880,131	174,249,814
Chi phí nhân công	1,811,850,493	1,386,504,193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	518,741,789	362,458,974
Thuế, phí, lệ phí	13,833,500	6,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	744,313,674	834,897,351
Chi phí khác bằng tiền	250,573,759	334,601,817
	<b><u>3,447,193,346</u></b>	<b><u>3,098,712,149</u></b>

**22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27,620,381,927	4,512,001,871
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(24,404,458,067)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lý)	629,356,933	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(25,033,815,000)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	3,215,923,860	4,512,001,871
Tổng lợi nhuận tính thuế	3,215,923,860	4,512,001,871
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	803,980,965	1,128,000,468
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>803,980,965</u></b>	<b><u>1,128,000,468</u></b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2,176,127,504	3,556,986,632
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1,236,450,000)	(500,118,997)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>1,743,658,469</u></b>	<b><u>4,184,868,103</u></b>

**23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI PHÚC TIỀN**

Lô 03-9A, KCN Hai Bà Trưng, Phường Hoàng Văn Thu,  
 Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	68,088,879,454	186,612,320,850
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	75,895,079,691	15,361,352,883
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	191,934,552,047	199,831,931,463
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	29,346,008,606	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	8,100,510,259	68,212,852,976
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	56,704,184,656	53,975,520,710
<b>Phải thu tiền ứng trước người bán</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	3,669,595,850	8,673,775,742
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	-	6,526,373,602
<b>Phải thu khác</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con	84,200,362,826	59,200,362,826
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	1,800,000,000	1,800,000,000
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Công ty con		3,470,990,359
- Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Công ty con	1,062,572,937	-

**25 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.



**Trương Thị Thu Hiền**  
 Kế toán trưởng



**Đào Đức Toàn**  
 Phó Giám đốc

Lập, ngày 22 tháng 07 năm 2011